

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NHẬN DIỆN XÃ HỘI QUA HỘI THOẠI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN VIỆT-MỸ

CHARACTERS' DISCOURSE AND SOCIAL IDENTITY IN AMERICAN AND VIETNAMESE NOVELS

TRẦN THỊ NGỌC LIÊN
(NCS, Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

Abstract

The relationship between language, discourse and identity has long been a major area of sociolinguistic research. While identity is defined differently either as a social constructionism (Berger & Luckman 1967; Foucault 1984; Fairclough 1986; Hall 1996; Kroskrity 2000) or realizing self or others (Sack 1972; Auer 2002; Potter 2003), social identity claims within this study are perceived as the attributes embedded in each society. Accordingly, the researcher, by employing theoretical approaches including conversation analysis and interactional sociolinguistics research, has figured out the adaptation of characters' discourse or characters' dialogue in American novels to its social context.

1. Đặt vấn đề

Hội thoại nhân vật (HTNV) là một thành tố quan trọng trong truyện ngắn. Nó không chỉ là phương tiện thể hiện sự tương tác giữa các nhân vật mà còn để phản ánh mối quan hệ giữa tác giả - nhân vật - và người đọc. Trong nhiều tác phẩm HTNV còn được sử dụng như một thủ pháp giúp khắc họa hình tượng nhân vật. Cách thức nhân vật “nói chuyện” khẳng định họ là ai, họ sống như thế nào, họ có vai trò gì trong xã hội được tái tạo trong tác phẩm. Theo cách đó, HTNV đã vượt qua khuôn khổ của những cốt truyện để phân nào cho thấy hình ảnh của một xã hội thực sự. Bằng phương pháp phân tích hội thoại và nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội, tác giả bài viết này mong muốn chỉ ra mối quan hệ giữa HTNV và hoàn cảnh xã hội đồng thời cho thấy cách thức nhận diện xã hội được xây

dựng qua HTNV trong một số truyện ngắn nổi tiếng Việt - Mỹ từ đó khẳng định ngôn ngữ có thể góp phần phản ánh xã hội như thế nào.

2. Hội thoại nhân vật và nhận diện

Hội thoại nhân vật được định nghĩa là «sự trao đổi lời thoại giữa hai hoặc hơn hai nhân vật» (<http://en.wikipedia.org>). Theo Myriam Bras & Laure Vieu (4, 225) HTNV đề cập đến “hai hoặc hơn hai đối tượng tham thoại với những ý định, mong muốn, niềm tin khác nhau, vì vậy có cách tiếp cận thông tin được trao đổi khác nhau”.

Bakhtin, M (1984) nhìn nhận HTNV một cách cụ thể hơn khi khẳng định HTNV là những phát ngôn do nhân vật tạo ra trong một tác phẩm văn học, bao gồm phần thoại của cá nhân đó - cái tôi. Tuy nhiên ông cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của phần thoại liên quan bên ngoài cái tôi vì cho rằng cái tôi không tự

sinh cũng không tự tạo nghĩa. Taylor (10,36) cũng theo quan điểm của Bakhtin, M khẳng định “Tôi là tôi chỉ khi xét trong mối quan hệ với những người tham thoại khác ... cái tôi chỉ tồn tại trong phạm vi của cái mà tôi gọi là mạng lưới đàm thoại” (*I am a self only in relation to certain interlocutors ... a self exists only within what I call webs of interlocation*).

Từ những quan điểm này cho thấy HTNV không chỉ là một kết cấu cần thiết trong kiến trúc của một tác phẩm văn học mà trở thành công cụ hữu hiệu giúp tác giả xây dựng cái Tôi nhân vật. Bằng phương tiện ngôn ngữ lời nói trong trường văn học với những mối quan hệ liên nhân, tác giả có thể truyền tải đến người đọc những thông điệp của tác phẩm, không phụ thuộc vào cốt truyện hay phần thuật truyện. Trên thực tế, khi cá nhân nhân vật không thể tồn tại tách rời những cá thể khác và ngữ cảnh giao tiếp (interactional context) cũng như chu cảnh xã hội (social settings), người ta có thể khẳng định những phát ngôn họ tạo ra có thể giúp xây dựng nhận diện – cả cá thể và xã hội. Thuyết nhận diện xã hội coi nhận diện nhóm của một cá nhân là “mấu chốt trong phát triển cái tôi và là nền tảng chi phối những hành vi khác nhau, trong đó có hành vi ngôn ngữ” (Meyerhoff; 1996:204).

3. Nhận diện xã hội được xây dựng qua HTNV trong truyện ngắn Việt-Mĩ

3.1. Xây dựng nhận diện cá thể

Nhận diện là một quá trình gắn liền với thực tiễn xã hội. Theo Taylor, C (1989) trích trong Benbell, B & Stokoe, E (3,35) thì “Người ta không thể là một cá thể nếu chỉ xét trên phương diện của một cá thể” (*One cannot be a self on one's own*). Nói cách khác, việc nhận biết một cá thể thường không tồn tại biệt lập mà trong mối quan hệ tương tác với một hoặc những cá thể khác, những đối tượng có chức năng tạo giá trị cho sự tồn tại ấy. Và như vậy nhận diện cá thể (cái Tôi) giúp nhận diện

xã hội bởi Tôi chính là một cấu thành của xã hội. Từ vai trò của cái Tôi ấy, xã hội sẽ được tiếp nhận không phải như một cấu trúc tĩnh với những tầng bậc, quy tắc luật lệ mà nó là một thực thể động với sự tổng hòa của các mối quan hệ trong đó có Tôi.

Truyện ngắn của Nam Cao có thể được coi là điển hình cho quá trình xây dựng cái Tôi nhân vật. Cùng sinh ra trong giai đoạn đỉnh cao của văn học hiện thực Việt Nam, cùng phản ánh một xã hội phong kiến đầy áp bức với những kiếp người cơ cực. Chí Phèo, Lão Hạc, Điền hay Hộ của Nam Cao đều rất khác với ông Nghị, ông Lí, ông Huyện hay kép Tư Bền của Nguyễn Công Hoan; Nhân, Huyền, hay vợ Du của Nguyên Hồng một phần là bởi Nam Cao đã sử dụng HTNV làm phương tiện khắc họa nhân vật rất thành công.

Phân tích đoạn hội thoại diễn ra giữa Chí Phèo, một kẻ «người chẳng ra người» chuyên rạch mặt ăn vạ chỉ biết rượu say rồi chửi, và Bá Kiến, một chánh tổng “khôn róc đời” người ta sẽ hiểu rõ hơn về hiệu lực của HTNV.

- A1 - Ôi làng nước ôi! Cứu tôi với ...Ôi làng nước ôi! Bỏ con thằng Kiên nó đâm chết tôi! Thằng Lí Cường nó đâm chết tôi rồi, làng nước ôi!
[...]
- B1 - Các bà đi vào nhà ; đàn bà chỉ lời thôi, biết gì ?
- B2 - Cả các ông, các bà nữa, về đi thôi chứ! Có gì mà xúm lại như thế này?
[...]
- B3 - Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế.
- A2 - Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rữ tù chưa biết chừng.
[...]
- B4 - Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết? Đời người chứ có phải con ngóe đâu? Lại say rồi phải không?
[...]
- B5 - Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

- [...]
- B6 - Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có gì ta nói chuyện tử tế với nhau, cần gì mà phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.
[...]
- B7 - Khô quá! Giá có tôi ở nhà thì đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ.”
[...]
- B8 - Thăng Cường đâu, tội mày đáng chết! Không bảo người nhà đun nước, mau lên.
Phần thoại nhân vật thể hiện rõ nhận diện của từng cá thể tham thoại: từ tính cách, vị trí xã hội, quyền lực cho tới mối quan hệ liên nhân. Chí Phèo bắt đầu bằng cách nói của một kẻ không cần quan tâm đến thể diện, với cái Tôi mạnh động, yếu thế (A1; A2) trong khi đó cụ Bá lại cho thấy sự khôn khéo khi chuyển hướng hội thoại (B1; B2), khiến giảm áp lực trực tiếp từ giao tiếp trước khi thực hiện tham thoại với đối tượng giao tiếp chính. Trên thực tế Chí Phèo chỉ có hai lượt lời A1 và A2 so với tổng số tám lượt lời từ B1-8 của Bá Kiến. Hiện tượng này có thể gọi là khuyết thoại khi mỗi cặp thoại chỉ tồn tại một lượt lời. Đương nhiên người ta có thể ngầm hiểu rằng lượt lời thứ hai của mỗi cặp thoại được thể hiện bằng sự im lặng mà theo Nguyễn Đức Dân “là một chiến lược giao tiếp” (7,90). Tuy nhiên trong trường hợp này, cá nhân tác giả bài viết này cho rằng Chí Phèo không có chủ ý sử dụng im lặng là chiến lược giao tiếp khi đương đầu với Bá Kiến mà thực tế là Bá Kiến đã thực sự hạ gục Chí Phèo, hạ gục ý chí chiến đấu của hắn. Theo nguyên lí lịch sự (Brown and Levinson, 1987), bằng chiến lược lịch sự dương tính “thể hiện nỗ lực tỏ ra quan tâm tới lợi ích của người khác và một mong muốn thỏa mãn nhu cầu của họ” Bentahila & Davies (1981:101) trích trong Nguyễn Quang (2002). Bá Kiến đã thành công trong việc tránh tổn hại về thể diện cho Chí Phèo, người tham thoại, do đó đã chiến thắng Chí Phèo. Tuy nhiên trong phần

HTNV này, chiến lược đền bù thể diện mà Bá Kiến sử dụng, bản thân nó mang tính bất thường vì ẩn sau mục đích tôn trọng thể diện của đối tượng giao tiếp là ý đồ tha hóa nhân cách một con người.

Theo nguyên lí cộng tác của Grice (1975) thì hội thoại giữa hai nhân vật này vi phạm cả về phương châm lượng và phương châm quan hệ. Bá Kiến cung cấp nhiều thông tin hơn được đòi hỏi (b4-8) và khi Chí Phèo không đáp lời đồng nghĩa với việc hắn ta không thực hiện phương châm lượng quan hệ. Cụ Bá liên tục sử dụng ngôn ngữ như một vũ khí để tấn công và cuối cùng đã hạ gục đối phương, kết thúc bằng việc Chí Phèo theo Bá Kiến vào nhà, một sự quy phục (b6, b7). Tóm lại, Nam Cao đã sử dụng hiệu quả nhận diện cái Tôi nhân vật trong xây dựng nhận diện xã hội. Thứ nhất là vai trò xã hội của những cá nhân tham thoại cụ thể là Chí Phèo và Bá Kiến: một nghèo khó, đơn giản; một giàu có, thủ đoạn. Thứ hai là những thuộc tính xã hội được bộc lộ qua nhận diện cá thể: sự xung đột của hai tầng lớp xã hội.

Trong văn học Mĩ đầu thế kỉ 20, người ta biết đến Hemingway với một loạt những tác phẩm nổi tiếng cả tiểu thuyết và truyện ngắn với sự ảnh hưởng rõ nét của “thế hệ vút đi” (The Lost generation) đến việc xây dựng nhân vật và cốt truyện (The Sun also rises; A farewell to arms), hay khác biệt chủng tộc, hoặc sự bất ổn xã hội Mĩ với sự gia tăng về tội phạm có tổ chức của thế giới ngầm những năm 1910s, giai đoạn “Khủng hoảng lớn” (Great depressions).

Cuộc hội thoại giữa hai nhân vật xã hội đen (Max và Al) với người chủ quán ăn (George) trong truyện ngắn *the Killers* của Hemingway góp phần khẳng định hiệu quả của nhận diện xã hội qua giao tiếp nhân vật.

- A1 - “Talk to me, bright boy,” Max said.
“What do you think’s going to happen?”
George did not say anything.
- A2 - “I’ll tell you,” Max said. “We’re going to kill a Swede. Do you know a big

- Swede named Ole Andreson?
- B1 - "Yes"
- A3 - He comes here to eat every night, don't he?
- B2 - If he comes
- A4 - We know all that, bright boy," Max said. "Talk about something else. Ever go to the movies?"
- B3 - Once in a while
- A5 - You ought to go to the movies more. The movies are fine for a bright boy like you.
- B4 - What are you going to kill Old Andreson for? What did he ever do to you?
- A6 - He never had a chance to do anything to us. He never even seen us.
- C1 - "And he's going to see us once," Al said from the kitchen.
- B5 - What are you going to kill him for, then? George asked
- A7 - We're killing him for a friend. Just to oblige a friend, bright boy.
- C2 - "Shut up!" said Al from the kitchen. "You talk too godamn much"
- A8 - "Well, I got to keep the boy amused. Don't, I, bright boy?"
- C3 - "You talk too damn much," Al said. "The nigger and my bright boy are amused by themselves. I got them tied up like a couple of girl friends in the convent.

Max là người mở thoại bằng một câu hỏi với George tuy nhiên lại không phải nhằm mục đích yêu cầu thông tin mà thực chất là để cung cấp thông tin. Hắn thể hiện sự ngạo mạn, tỏ thái độ coi thường đối với ông chủ quán, George. Trong phần cặp thoại này ta chỉ thấy một lượt lời từ Max, phần lượt lời còn lại là sự im lặng của George. Sử dụng phương thức im lặng có thể ẩn chứa nhiều ý đồ của người tham thoại. Theo Nguyễn Đức Dân "Im lặng cũng là một hành vi ngôn ngữ" (7,90). Theo cấu trúc hội thoại thì hiện tượng này có thể gọi là bỏ lượt lời hoặc khuyết thoại. Nó cho thấy người tham thoại hoặc không đủ năng lực (kiến thức, ngôn ngữ) duy trì giao tiếp,

hoặc muốn truyền tải những thái độ nhất định. Trong trường hợp này người ta có thể lí giải hoặc vì George thực sự không biết điều gì sẽ xảy ra, hoặc anh ta hiểu mục đích giao tiếp của lượt lời 1 là "hỏi mà không cần trả lời", hoặc đó là cách thể hiện thái độ không cộng tác. Phân tích tổng thể phần hội thoại trên ta có thể thấy sự khác biệt về độ dài của các lượt lời trong mỗi cặp thoại (A2-B1; A3-B2; A4-B3), phân tranh lời (C1, C2, C3), phân lặp lời (B4, B5). Xuyên suốt những cuộc thoại trong câu truyện, người đọc dễ dàng thấy ở George một người chủ quán thẳng thắn, trọng nghĩa khí. Tuy nhiên anh ta cũng không muốn can thiệp vào những câu chuyện của khách hàng, đó là một quy tắc cần thiết khi là chủ của một quán ăn giữa thời kì xã hội Mỹ khá bất ổn, với đầy rẫy những băng nhóm ngoài vòng pháp luật, sẵn sàng giết người qua những thỏa thuận (the deal). Bên cạnh đó phần lượt lời ngắn (brief), thẳng thắn (relevant) của anh ta cũng cho thấy thái độ không hợp tác với những kẻ giết người. Cách nói chuyện của Max, một trong hai kẻ giết người, ngoài việc cho thấy sự khiếm nhã, vô cảm của hắn đối với người tham thoại, còn thể hiện giá trị quyền lực của hắn. Hắn giễu cợt chủ quán, coi thường anh ta, hắn đang nói chuyện với Max nhưng thực tế không phải vậy, hắn đang nói chuyện với chính hắn. Mục đích của hội thoại có thể là tìm hiểu hoặc cung cấp thông tin, yêu cầu, hoặc ra lệnh, v.v. Tuy nhiên trong trường hợp này Max hỏi, nhưng không cần nghe trả lời vì đó là điều hắn đã biết trước (A1-4). Sự lặp lời của George cũng một phần cho thấy sự coi thường của kẻ giết người với người chủ quán khi hắn không cung cấp thông tin mạch lạc. Ngoài ra, hiện tượng tranh lời của Al (C1-3) bộc lộ thái độ bất lịch sự trong giao tiếp cùng với ý đồ che dấu hành vi. Cách thức Al sử dụng ngôn ngữ trong phần thoại cho thấy hắn là ai (một người da trắng), hung hãn, có vị thế áp đảo đối với những người còn lại trong nhóm giao tiếp. Tóm lại, thông qua

phần thoại của ba nhân vật trong một quán ăn trong “the Killers” của Hemingway, người đọc phần nào hiểu được cục diện của xã hội Mĩ thời bấy giờ: sự bất ổn kèm theo sự gia tăng của những băng nhóm tội phạm. Đây là một phần của thời kì “the Great Depression”.

3.2. Xây dựng mối quan hệ liên nhân

Theo Haliday, M.K.A, bản chất của hội thoại là một quá trình trao đổi (giving or demanding) ở đó người nói hoặc là “trao cho người nghe một cái gì đó” hoặc là “yêu cầu ở người nghe một cái gì đó” (6,67) có thể so sánh với quá trình trao đổi hàng hóa và dịch vụ hoặc thông tin giữa người mua và người bán. Từ góc độ này cho thấy hội thoại là một cấu trúc động, biến đổi tùy thuộc vào mục đích, đối tượng, ngữ cảnh phát ngôn, thể hiện sự tương tác giữa người nói và người nghe và theo đó phản ánh mối quan hệ liên nhân của những người tham thoại.

Trong văn học, HTNV được sử dụng để phản ánh mối quan hệ đa dạng giữa các nhân vật, và hơn thế là mối quan hệ giữa tác giả và người đọc, giữa tác phẩm và xã hội. Khảo sát một số truyện ngắn Việt nam và Mĩ đầu thế kỉ XX, tác giả bài viết nhận thấy xã hội hoàn toàn có thể nhận diện thông qua mối quan hệ liên nhân của các nhân vật trong tác phẩm thông qua giao tiếp lời thoại.

Từ phần hội thoại dưới đây trong tác phẩm “Đời thừa” của Nam Cao, chúng ta không chỉ thấy rõ những đặc điểm thuộc cá thể các nhân vật mà còn cả mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, thuộc tính gắn kết với xã hội đó.

- H1 - Ngày mai ... mình có biết không? ...
Chỉ ngày mai thôi! – là tôi đuổi tất cả mẹ con mình ra khỏi nhà này ... Tôi đuổi tất, không một đứa nào, kể cả con bé Thảo là con ngoan nhất . Mấy đứa kia đều đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn rồi ngồi ôm con như nhện ôm khư khư bọc trứng, không chịu làm thêm việc gì cho có tiền. Chi khổ thằng này thôi!
[...]

- H2 - Này, Từ ạ... Nghĩ cho kĩ, đời tôi không đáng khổ mà hóa khổ. Ấy thế, mà tuy khổ thì khổ thật, nhưng thử có người giàu bạc vạn nào thuận đời lấy các địa vị của tôi, chưa chắc tôi đã đổi. Tôi cho rằng: những khi được đọc một đoạn văn như đoạn này, mà lại hiểu được tất cả cái hay, thì dầu ăn một món ăn ngon đến đâu cũng không thích bằng. Sướng lắm! Sao thiên hạ lại có người tài đến thế? Mính tính: người ta tả cái cảnh một người nhớ quê hương chỉ mất có ba câu, đúng ba câu! ... Mình có hiểu không? ... Ba câu giản dị một cách không ngờ - mà hay được đến như thế này...
- T1 - Có lẽ hôm nay là mồng hai, mồng ba tây rồi, mình nhỉ?
- H4 - À phải! Hôm nay mồng ba ... Giá mình không hỏi tôi thì tôi quên .. Tôi không phải đi xuống phố.
- T2 -Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sang nay đã đến ...
- H5 -Tiền nhà ...tiền giặt ... tiền thuốc ...tiền nước mắm ...còn chịu tất! Tháng vừa rồi tiêu tốn quá, mới mồng mười đã hết tiền. May mà còn có đất mua chịu được.

Hộ, một nhà văn đầy hoài bão, bế tắc trong cái xã hội nghèo túng, nơi người ta không thể thoát ra khỏi cái vòng luân quần của Cơm-Áo. Anh ta bực tức chính mình vì “còn gì đau khổ hơn một kẻ vẫn khát khao làm một cái gì nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt (Nam Cao: Đời thừa)”, vì thế trút giận lên những kẻ đã gây ra cái hoàn cảnh của anh ta đó chính là vợ, con anh ta.

Phân tích mối quan hệ liên nhân giữa hai vợ chồng Hộ, người ta thấy rõ vai trò của lịch sử trong giao tiếp. Mở đầu bằng một loạt các phát ngôn đe dọa thể diện của người nghe (H1), Hộ đã khiến Từ phải im lặng. Việc vi phạm phương châm lượng này không khiến phá vỡ mà ngược lại giúp tăng hiệu quả giao tiếp. Thực tế sự im lặng của Từ đã phần nào đền bù được cái thể diện đã mất cho Hộ, nó

thể hiện sự cam chịu của những người đàn bà Việt Nam trong xã hội cũ. Tuy nhiên trong phần 2 (H2), phần thoại của Hộ đã phần nào thể hiện sự quan tâm đến đền bù thể diện cho Từ. Anh ta coi Từ không chỉ đơn thuần là một người vợ mà còn như một người bạn tâm giao, một người bạn văn chương, người mà anh ta có thể chia sẻ những xúc cảm khi đọc được những áng văn hay, những ý thơ đẹp. Tuy nhiên nếu xét cho cùng thì ngay việc đền bù thể diện người nghe để duy trì giao tiếp này vẫn thể hiện sự bẽ tắc của Hộ vì thực tế khi anh ta chia sẻ văn chương với Từ, một người “chẳng hiểu được bao nhiêu” lại sẽ càng làm tăng sự cô độc của anh ta. Từ lời thoại giữa hai nhân vật, người đọc sẽ cảm nhận được một xã hội đầy bẽ tắc mà những con người sống trong đó khó có cách thoát ra được.

Trong tác phẩm “The Gift of Magi” của O’Henry, đoạn hội thoại dưới đây là một trong những phần quan trọng, kịch tính và mang lại giá trị nhân văn nhất cho toàn thể truyện, đồng thời khẳng định vai trò của HTNV trong xây dựng mối quan hệ liên nhân giữa các nhân vật.

- A1 “Jim, darling,” she cried, “don't look at me that way. I had my hair cut off and sold it because I couldn't have lived through Christmas without giving you a present. It'll grow out again—you won't mind, will you? I just had to do it. My hair grows awfully fast. Say ‘Merry Chistmas!’ Jim, and let's be happy. You don't know what a nice—what a beautiful, nice gift I've got for you.”
- B1 “You've cut off your hair?”
- A2 “Cut it off and sold it,” said Della. “Don't you like me just as well, anyhow? I'm me without my hair, ain't I?”
- B2 “You say your hair is gone?” he said, with an air almost of idiocy.
- A3 “You needn't look for it,” said Della. “It's sold, I tell you—sold and gone, too. It's Christmas Eve, boy. Be good to

me, for it went for you. Maybe the hairs of my head were numbered,” she went on with sudden serious sweetness, “but nobody could ever count my love for you. Shall I put the chops on, Jim?”

- B3 “Don't make any mistake, Dell,” he said, “about me. I don't think there's anything in the way of a haircut or a shave or a shampoo that could make me like my girl any less. But if you'll unwrap that package you may see why you had me going a while at first.”
- A4 “My hair grows so fast, Jim!”
- A5 And then Della leaped up like a little singed cat and cried, “Oh, oh!”
- A6 “Isn't it a dandy, Jim? I hunted all over town to find it. You'll have to look at the time a hundred times a day now. Give me your watch. I want to see how it looks on it.”
- B4 “Dell,” said he, “let's put our Christmas presents away and keep 'em a while. They're too nice to use just at present. I sold the watch to get the money to buy your combs. And now suppose you put the chops on.”

Della mở thoại bằng lí do cô cắt đi mái tóc vàng óng ả của mình, một tài sản vô giá, thứ mà cô và chồng cô yêu quý nhất vì muốn tặng cho chồng, Jim, một món quà Giáng sinh. Thực tế theo văn hóa Mỹ, người ta khó có thể chấp nhận việc đi quà Giáng sinh mà không có một món quà tặng cho những người mình yêu thương. Sự nghèo khó đã dẫn cô đến với quyết định bán tóc. Trong lượt lời A1, Della trấn an Jim nhưng thực chất cũng là an ủi chính mình. Xen lẫn sự lo lắng là niềm vui cô có được nhờ có trong tay món quà Giáng sinh vừa ý cho người chồng yêu quý. Phần lượt lời B1 và B2, A2, A3 vi phạm phương châm chất và phương châm cách thức khi yêu cầu thông tin được lặp lại. Xét về mặt vật lí, không phải vì đối tượng tham thoại không thể tiếp nhận thông tin, tuy nhiên nhìn từ góc độ tâm lí, nó thể hiện sự ngạc nhiên cao độ, rằng đó là điều mà cả hai đều cảm thấy khó chấp nhận. Cao trào của truyện không dừng ở đó khi lượt lời

B3, A6 mở nút cho lí do vì sao Jim lại có thái độ khó có thể chấp nhận được sự thật. Và điều ý nghĩa nhất được thể hiện ở lượt lời cuối cùng (B4) khi người ta hiểu ra rằng đứng trước tình yêu tất cả những tài sản vật chất khác dù đáng giá đến đâu cũng không còn nhiều ý nghĩa. Qua lời thoại nhân vật, O'Henry muốn đề cập đến một điều quan trọng hơn ngoài tình yêu lứa đôi của hai nhân vật chính là một triết lí (philosophy) đó là ngay trong lòng New York một xã hội người ta thường nghĩ là vô cảm, xô bồ, đầy rẫy tội phạm vẫn tràn đầy tình yêu thương và con người ta cần phải sống với nhiều hi vọng hơn tuyệt vọng.

3.3. *Phản ánh thực trạng xã hội*

Khảo sát đối với 82 truyện ngắn hiện thực Việt nam tiêu biểu giai đoạn 1930-1945 cho thấy HTNV không chỉ đơn thuần là phần trao đổi thông tin hoặc thủ pháp khắc họa hình tượng nhân vật của mỗi tác giả, nó còn góp phần tích cực vào việc phản ánh thực trạng xã hội. Trong giai đoạn này, HTNV bộc lộ một xã hội với đầy đủ những thuộc tính vốn có từ sự khác biệt về giai cấp, hoàn cảnh kinh tế, đến những hủ tục, thành kiến, sự kiệt quệ của một xã hội với phần lớn là những con người đói khát, nghèo khó và một bộ phận nhỏ những kẻ quan lại có tiền, hợm hĩnh, đua đòi, coi mạng người nghèo như cỏ rác. Ngoài ra đó còn là một xã hội với sự xuống cấp nghiêm trọng về đạo đức, với những con người coi trọng chủ nghĩa vật chất, tàn nhẫn hơn cả những kẻ máu lạnh. Nổi bật trong số những truyện ngắn đó là “Một bữa no” của Nam Cao, “Cái răng con chó của nhà tư sản”; “Người ngựa, ngựa người”, “Báo hiếu: trả nghĩa mẹ”, “Báo hiếu: trả nghĩa cha”, “Đồng hào có ma”, “Thịt người chết” của Nguyễn Công Hoan, “Một cái chết”, “Đi săn khỉ”, “Bộ răng vàng”, “Bà lão lừa” của Vũ Trọng Phụng.

Phần HTNV trong truyện ngắn “*Răng con chó của nhà tư sản*” của Nguyễn Công Hoan dưới đây phản ánh phần nào thực trạng xã hội đương thời.

A1 - Thôi chết rồi! Con Lu làm sao thế này! Ôi giời ơi! Nó gãy hai cái răng rồi! Khổ tôi quá!

[...]

A2 - À mày đánh gãy răng chó ông, ông chỉ kẹp cho mày chết tươi, rồi ông đèn mạng. Bất quá ba chục ngàn bạc là cùng!

Dễ dàng nhận thấy phần HTNV của Ông chủ không phải là phần song thoại mà là đơn thoại. Người nghe sẽ thấy vai trò độc tôn của ông ta trong quá trình giao tiếp. Trong phần lượt lời A1 là một loạt câu cảm thán, thể hiện sự quan tâm, lòng yêu quý của ông đối với con chó mà ông đã dày công chăm sóc. Nó đối lập hoàn toàn với lượt lời A2 khi ông bộc lộ bản chất độc ác cùng sự thờ ơ, khinh miệt người nghèo, coi thường mạng sống của họ.

Trong truyện “*Báo hiếu: trả nghĩa mẹ*” của Nguyễn Công Hoan, cũng là phần đơn thoại của người con, ông chủ, trong đoạn hội thoại với người mẹ, người đàn bà quê mùa nghèo khó. Phần khuyết thoại thể hiện sự yếu thế của người mẹ cũng như sự áp đảo của người con trong vai trò của các đối tượng tham thoại. Nhìn từ góc độ ngôn ngữ hội thoại, người ta thấy rõ sự tha hóa biến chất, sự tàn nhẫn, vô nhân tính của con người khi ngay cả tình mẫu tử cũng bị loại bỏ.

A1 Một suýt nữa thì làm tôi ê cả mặt! Ai bảo bà ra làm gì?

A2 Tôi đã cảm bà không được ra đến đây kia mà. Đã một lần trước rồi, mà không chừa! Bà không biết để sĩ diện cho tôi! Đây này, bà cầm lấy! Bà về đi! Bà phải về ngay bây giờ! Mới có hơn bây giờ, còn sớm!

A3 Thằng bếp đầu rồi! Mày đưa bà ấy ra! Mà mày phải bảo chúng nó rằng tao cảm, không đũa nào được kéo bà ấy cả! Cho bà ấy đi bộ để bận sau mà chừa.

Trong văn học Mĩ đầu thế kỉ 20, thông qua khảo sát một số truyện ngắn nổi tiếng của

Earnest Hemingway, William Faulkner, Sherwood Anderson, Jean Toomer, Scott Fitzgerald, tác giả bài viết nhận thấy, việc phản ánh thực trạng xã hội của các tác phẩm tập trung vào việc khắc họa một xã hội Mỹ tự do, thực dụng, phóng khoáng, sự phân biệt chủng tộc, kì thị giới tính, những ảnh hưởng của làn sóng công nghiệp hóa đối với đời sống xã hội, và tác động của chiến tranh thế giới đối với xã hội Mỹ, v.v.

Dưới đây là một phần thoại được trích từ “*Bright and Morning Star*” của Richard Wright nói về tình thân đấu tranh đòi bình đẳng giữa người Mỹ da trắng và Mỹ da đen.

- A1 “Lissen, nigger woman, yuh talkin to white men!”
 B1 “Ah don care who Ahm talking t!”
 A2 Yuhll wish some day yuh did!”
 B2 “Not to the likes of yuh!”
 A3 Yuh need somebody t teach yuh how t be a good nigger!”

Câu thoại thứ nhất là sự răn đe của người nói đối với người nghe. Người cảnh sát da trắng muốn cảnh báo người phụ nữ da đen (Sue) về vị thế xã hội của bà ta và sự khác biệt về giai cấp (A1), phần thoại A2 tiếp tục cho thấy quyền lực của người da trắng khi đe dọa người phụ nữ da đen và khẳng định đó là điều bà ta sẽ phải hối tiếc. Câu thoại cuối cùng A3 thể hiện rõ nhất giá trị quyền lực trong xã hội khi khẳng định vai trò của người da trắng là những người đặt ra quy định, là những người thống trị trong khi đó người da đen là đối tượng phải phục tùng sự áp đặt ấy, họ phải nhận thức được vị trí của họ ở đâu trong xã hội. HTNV trong phần này của tác phẩm ngoài việc cho thấy sự đàn áp của những người Mỹ da trắng với những người Mỹ gốc Phi chúng ta còn thấy được sự can đảm cũng như thái độ phản kháng của người phụ nữ da đen.

Tóm lại, HTNV làm được nhiều hơn nhiệm vụ tạo liên kết giữa các nhân vật và bộc lộ ý đồ của tác giả. Điều mà ngôn ngữ lời nói

(phần thoại) trong tác phẩm làm được cùng với phần ngôn ngữ viết (phần thuật) là tự bản chất nó thể hiện tất cả những gì là thuộc tính của nó, có liên quan và đang diễn ra xung quanh nó, tác động đến nó. Nói cách khác, thực trạng xã hội hoàn toàn có thể được nhìn nhận qua HTNV.

3. Kết luận

Nghiên cứu về ngôn ngữ nhân vật là một vấn đề không mới tuy nhiên vẫn thu hút được sự chú ý của không ít những nhà nghiên cứu văn học và ngôn ngữ học. Trên thực tế HTNV là một phần không thể tách rời của ngôn ngữ nhân vật. Cùng với cốt truyện, tình tiết tác phẩm, thủ pháp xây dựng nhân vật, HTNV góp phần miêu tả đầy đủ bản chất và thuộc tính của nhân vật, góp phần xây dựng cái tôi nhân vật. Tuy nhiên một thực tế có thể được thừa nhận là HTNV đã vượt qua khỏi ranh giới của giao tiếp nhân vật trong tác phẩm văn học và trở thành một công cụ hữu hiệu giúp nhận diện xã hội thông qua quá trình xây dựng cái tôi cá thể của nhân vật, tạo dựng mối quan hệ liên nhân, và phản ánh thực trạng xã hội.

Mặc dù văn học Mỹ và văn học Việt Nam luôn có sự khác nhau bởi nó được phát triển trên hai nền tảng văn hóa khác nhau, hoàn cảnh chính trị xã hội khác nhau, các trào lưu văn học khác nhau và những người cầm bút không giống nhau, nhưng chúng ta có thể khẳng định một thực tế ngôn ngữ nhân vật và cụ thể là HTNV có tính phổ quát (universal), là công cụ giúp nhà văn khắc họa nhân vật, tạo tính liên kết trong văn bản và bộc lộ bản chất xã hội nơi mà nó được tạo ra.

Tài liệu tham khảo

1. Austin, J. L. (1975), *How to do things with words* (2nd ed.). Cambridge, MA: Harvard University Press.
2. Bakhtin, M. (1984), *Problems of dostoevsky's poetics*. Minneapolis: University of Minnesota Press.

(xem tiếp trang 44)

2. Brown, G., & Yule, G. (1989), *Discourse analysis*. Cambridge University Press.

3. Cameron, D. (2002), *Working with spoken discourse*. Sage Publications.

4. Fowler, R. (1985). "Power". In van Dijk (ed.), *Handbook of discourse analysis*. London: Academic Press.

5. Geis, M. L. (1995), *Speech acts and conversational interaction*. Cambridge: Cambridge University Press.

6. Vuchinich, S. (1990), *The sequential organization of closing in verbal family conflict*. Conflict talk, ed. by A.D. Grimshaw, Cambridge: CUP.

7. Watts, R. J., Ide, S., & Ehlich, K. (eds.) (1992), *Politeness in language: Studies in its history, theory and practice*. Mouton de Gruyter.

Tiếng Việt

8. Kiều Thị Thu Hương (2006), *Cách biểu đạt sự bất đồng ý kiến trong tiếng Anh và tiếng Việt*. Luận án Tiến sĩ ĐHNH- ĐHQGHN.

9. Bùi Thùy Linh (2010), *Ý nghĩa của sự thay đổi cách xưng hô và tha xưng (khảo sát trong gia đình người Việt)*. Ngôn ngữ và Đời sống số 5, 2010.

10. Nguyễn Quang Ngoạn (2009), *Một số điểm tương đồng và khác biệt giao văn hóa Việt Mỹ trong cách thức diễn đạt sự bất đồng giữa những người không bình đẳng về quyền lực*. Luận án Tiến sĩ ĐHNH- ĐHQGHN.

11. Ngô Đình Phương (2004), *Quan hệ liên nhân trong phân tích diễn ngôn*, Ngữ học trẻ 2004.

12. Nguyễn Tiến Phùng (2006), *Nghiên cứu giao văn hóa về cách thức thể hiện sự khó chịu trong tiếng Anh và tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ ĐHNH- ĐHQGHN.

13. Nguyễn Quang (2004). *Một số vấn đề giao tiếp nội văn hóa và giao thoa văn hóa*. Nxb ĐHQGHN.

Nguồn dữ liệu: Phim Việt:

1. Khúc ca cho tình nhân
2. Cuộc chiến hoa hồng
3. Ở rể

(Ban Biên tập nhận bài ngày 29-01-2012)

NHẬN DIỆN XÃ HỘI

(tiếp theo trang 19)

3. Benwell, B & Stokoe, E (2006), *Discourse and Identity*. Edinburg: Edinburg University Press

4. Bras, M. & L. Vieu, eds. (2001), *Semantic and pragmatic Issues in discourse and dialogue. Experimenting with current dynamic theories*. Oxford: Elsevier, Current Research in the Semantics/Pragmatics Interface (CRiSPI) N°9.

5. Fina, D.A, Schiffrin, D & Bamberg, M (2006), *Discourse and identity*. Cambridge: Cambridge University Press.

6. Haliday, M.A.K. (1994), *An introduction to functional grammar* (2nd edition). London: Arnold.

7. Nguyễn Đức Dân (2000), *Ngữ dụng học*. Hà Nội. Nhà xuất bản Giáo dục.

8. Nguyễn Quang (2002), *Giao tiếp và giao tiếp giao văn hóa*. Hà Nội. NXB Đại học Quốc gia.

9. Nguyễn Văn Lưu, ed (2003), *Tuyển tập truyện ngắn hiện thực 1930-1945*. Hà Nội. Nhà xuất bản Văn học.

10. Taylor, C. (1989), *Sources of the self: The making of modern identity*, Cambridge, MA: Harvard University Press.

11. Updike, J & Kenson, K, eds (2000), *The best American short stories of the century*. New York: Houghton Mifflin Company

Tác phẩm tiếng Việt

1. Chí Phèo của Nam Cao
2. Đời thừa của Nam Cao
3. Răng con chó nhà tư bản của Nguyễn Công Hoan

4. Báo hiếu: trả nghĩa mẹ của Nguyễn Công Hoan

Tác phẩm tiếng Anh

1. *The Killer* của Hemingway
2. *The Gift of magi* của O'Henry
3. *Bright and morning star* của Richard Wright

(Ban Biên tập nhận bài ngày 29-01-2012)